Biểu số 13

Thống kê số lượng cán bộ, công chức lãnh đạo (Đối tượng 2)
các Bộ, ngành Trung ương
(Kèm theo Công văn số 5317/BNV-CCVC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ)

ĐVT: người

TT	Danh mục đơn vị	Tổng số	Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị			Quản lý nhà nước			Ngoại ngữ				Tin học			Ghi chú
			CN	*ThS*	*TS*	*CN*	*Cao cấp*	*Trung cấp*	*CV*	*CVC*	*CV CC*	*ĐH (CN) trở lên*	*A*	*B*	*C*	*CN*	*A*	*B...*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư																		
	V.V....																		
	Tổng số																		

Biểu số 14

Thống kê số lượng cán bộ, công chức lãnh đạo (Đối tượng 2)
người dân tộc thiểu số các Bộ, ngành Trung ương
(Kèm theo Công văn số 5317/BNV-CCVC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ)

ĐVT: người

TT	Danh mục đơn vị	Tổng số	Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị			Quản lý nhà nước			Ngoại ngữ				Tin học			Ghi chú
			CN	*ThS*	*TS*	*CN*	*Cao cấp*	*Trung cấp*	*CV*	*CVC*	*CV CC*	*ĐH (CN) trở lên*	*A*	*B*	*C*	*CN*	*A*	*B...*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư																		
	V.V....																		
	Tổng số																		

Biểu số 15

Thống kê số lượng lãnh đạo cấp Phòng và tương đương (Đối tượng 3) các Bộ, ngành Trung ương

(Kèm theo Công văn số 5317/BNV-CCVC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ)

ĐVT: người

TT	Danh mục đơn vị	Tổng số	Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị			Quản lý nhà nước			Ngoại ngữ				Tin học			Ghi chú
			CN	*ThS*	*TS*	*CN*	*Cao cấp*	*Trung cấp*	*CV*	*CVC*	*CV CC*	*ĐH (CN) trở lên*	*A*	*B*	*C*	*CN*	*A*	*B...*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư																		
	V.V....																		
	Tổng số																		

Biểu số 16

Thống kê số lượng lãnh đạo cấp Phòng và tương đương (Đối tượng 3)
người dân tộc thiểu số các Bộ, ngành Trung ương
(Kèm theo Công văn số 5317/BNV-CCVC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ)

ĐVT: người

TT	Danh mục đơn vị	Tổng số	Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị			Quản lý nhà nước			Ngoại ngữ				Tin học			Ghi chú
			CN	*ThS*	*TS*	*CN*	*Cao cấp*	*Trung cấp*	*CV*	*CVC*	*CV CC*	*ĐH (CN) trở lên*	*A*	*B*	*C*	*CN*	*A*	*B...*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư																		
	V.V....																		
	Tổng số																		

Biểu số 17

Thống kê số lượng cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo (Đối tượng 4) các Bộ, ngành Trung ương

(Kèm theo Công văn số 5317 /BNV-CCVC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ)

ĐVT: người

TT	Danh mục đơn vị	Tổng số	Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị			Quản lý nhà nước			Ngoại ngữ				Tin học			Ghi chú
			CN	*ThS*	*TS*	*CN*	*Cao cấp*	*Trung cấp*	*CV*	*CVC*	*CV CC*	*CN*	*A*	*B*	*C*	*CN*	*A*	*B*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư																		
	V.V....																		
	Tổng số																		

Biểu số 18

Thống kê số lượng công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo (Đối tượng 4) người dân tộc thiểu số các Bộ, ngành Trung ương

(Kèm theo Công văn số 5317/BNV-CCVC ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ)

ĐVT: người

TT	Danh mục đơn vị	Tổng số	Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị			Quản lý nhà nước			Ngoại ngữ				Tin học			Ghi chú
			CN	*ThS*	*TS*	*CN*	*Cao cấp*	*Trung cấp*	*CV*	*CVC*	*CV CC*	*CN*	*A*	*B*	*C*	*CN*	*A*	*B*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư																		
	V.V....																		
	Tổng số																		